|  |  |
| --- | --- |
|  | Hội sở chínhSố 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà NộiĐT: (84.4) 39288869 Fax: (84.4) 39288867Swift: VPBKVNVX Website:www.vpbank.com.vn |

# 

**PHỤ LỤC NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG VÀ THU THẬP THÔNG TIN FATCA**

***Đính kèm Giấy đề nghị đăng ký kiêm Hợp đồng sử dụng dịch vụ hoặc Giấy đăng ký thiết lập quan hệ do Khách hàng ký ngày………./………./………***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **NGƯỜI ĐẠI ĐIỆN THEO PHÁP LUẬT** | | | | | | |
| Họ và tên: *………………………………..…………………….……….…………….…………………………..…………………….……….………………….…………*  Ngày, tháng, năm sinh:*………………………………………..…….….……………………………………………..…….….………….….…………………..*  Nam Nữ  Nghề nghiệp: *……………………………………………….…………………………….…………………………….…………………………….…………..….……..*  Chức vụ: *……….…………….…………….…………….………….…………….………….…………….………….…………….………….…………….………….……*  Quốc tịch: *……………………………………….…………………………………….…………………………………….…………………………………………………..*  Mã số thuế (nếu có): *…….…….………..…….…….………..…….…….………..…….…….………..…….…….………..…….…….………..…….………*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[1]](#footnote-2): ……………………………………………………………….…………………….  Loại, số Giấy tờ tùy thân[[2]](#footnote-3): *……………………………………..…………*[[3]](#footnote-4)  Ngày cấp: *…………………….……...* Nơi cấp: *………………..….………*……*…………..….…………………..….…………………..….…………………….*  Có giá trị đến: ………………………………………………………*…………..….…………………..….…………………..….………………..*………………………  Điện thoại: *…………………………..……………………………….……………………………………..….…………………..….…………………..….……………….*  Email: *…………………………………………………………………………….…………………..…………..….…………………..….…………………..….………………* | | | | | | |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...………………………………………………………*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Ngày cấp: *…………………………….*  Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………………………*[[4]](#footnote-5)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: …………………*………………………………………………………………………………………………*……….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..*…………………………………………………………………………………………………………….*  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..*  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..………………………………………………………………………………………………………………………….*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: …………*…………………………*  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: ……………*………………………………………………………………………………*  **Đối với cá nhân là người không quốc tịch, bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[5]](#footnote-6):*……………………………………………………………………………………………………………………………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *……………….………………………………………………………………………………………………*  Địa chỉ cư trú: *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* | | | | | | |
| 1. **THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA KHÁCH HÀNG** | | | | | | |
| Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của Doanh nghiệp bao gồm:   1. Trong trường hợp Khách hàng là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của Khách hàng đã được công bố, chủ sở hữu hưởng lợi được xác định là cá nhân được công bố đó; 2. Cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức; 3. Cá nhân cuối cùng có quyền chi phối đối với Khách hàng là tổ chức; 4. Trường hợp không xác định được cá nhân theo quy định tại Điểm (i), (ii), (iii) Mục này, chủ sở hữu hưởng lợi là người đại diện theo pháp luật của Khách hàng, trừ trường hợp người đại diện này là cá nhân là người đại diện phần vốn nhà nước trong tổ chức.   ***Dựa vào những tiêu chí trên, Khách hàng xác định có chủ sở hữu hưởng lợi hay không*?**  Không  Có, vui lòng cung cấp thông tin bổ sung như dưới đây:  **** CSHHL đồng thời là Người đại diện theo Pháp luật. Chỉ cần điền thông tin Loại đối tượng và % sở hữu ở bảng bên dưới  **** CSHHL không đồng thời là Người đại diện theo Pháp luật. Vui lòng cung cấp thông tin theo bảng sau: | | | | | | |
| Họ tên | | | ……………………………………….  Theo thông tin của Người đại diện hợp pháp tại mục……….…Phụ lục đăng ký mở và sử dụng TKTT | …………………………….. | | …………………………... |
| Đối tượng hưởng lợi | | Loại đối tượng (i,ii, iii…) |  |  |  | |
| % sở hữu |  |  |  | |
| Ngày, tháng, năm sinh | | |  |  | |  |
| Nghề nghiệp | | |  |  | |  |
| Chức vụ | | |  |  | |  |
| Điện thoại | | |  |  | |  |
| Quốc tịch | | |  |  | |  |
| Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[6]](#footnote-7) | | |  |  | |  |
| Giấy tờ tùy thân[[7]](#footnote-8) | | Số |  |  |  | |
| Ngày cấp |  |  |  | |
| Nơi cấp |  |  |  | |
|  | | Có giá trị điến |  |  |  | |
| Địa chỉ thường trú | | |  |  |  | |
| Tình trạng cư trú | | | Cư trú  Không cư trú |  |  | |
| **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam cần bổ sung thêm các thông tin sau:** | | |  |  |  | |
| Thị thực nhập cảnh/ Giấy tờ thay thế thị thực | | Số |  |  |  | |
| Ngày cấp |
| Nơi cấp |
| Ngày hết hạn*[[8]](#footnote-9)* |
| Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài | | |  |  | |  |
| Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam | | |  |  | |  |
| **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các thông tin sau liên quan đến quốc tịch còn lại:** | | |  |  | |  |
| Quốc tịch | | |  |  | |  |
| Số Hộ chiếu | Số | |  |  | |  |
| Ngày cấp | |  |  | |  |
| Nơi cấp | |  |  | |  |
| Ngày hết hạn hiệu lực | |  |  | |  |
| Địa chỉ cư cú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại | | |  |  | |  |
| **Đối với cá nhân là người không quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[9]](#footnote-10):  Ngày cấp: *……………………………….* Nơi cấp: *………………..….………………………………………………….*  Địa chỉ cư trú: *……………………………………………* | | |  |  | |  |
| ***Khách hàng có phải là bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý[[10]](#footnote-11) không?***  Không  Có, vui lòng cung cấp thông tin bổ sung theo mẫu biểu *Thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của thỏa thuận pháp lý* do VPBank cung cấp. | | | | | | |
| **III. MỤC ĐÍCH, BẢN CHẤT MỐI QUAN HỆ KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG VỚI VPBANK** | | | | | | |
| |  |  | | --- | --- | | Sử dụng dịch vụ thu, chi hộ  Thanh toán, chuyển tiền, kinh doanh  trong nước  Thanh toán, chuyển tiền, kinh doanh quốc tế | Quản lý dòng tiền  Các mục đích khác phục vụ cho hoạt động vận hành tổ chức  Khác:*……………………………………* | | | | | | | |
| **IV. THÔNG TIN FATCA** | | | | | | |
| Quý Khách hàng có phải là doanh nghiệp/tổ chức **được thành lập tại Hoa Kỳ** **| hoạt động theo luật Hoa Kỳ hay bất kỳ bang nào của Hoa Kỳ? | có địa chỉ tại Hoa Kỳ?** | | | | | | |
| **Không.**  Khách hàng là: | | Doanh nghiệp/tổ chức phi tài chính nước ngoài (ngoài Hoa Kỳ) chủ động[[11]](#footnote-12) | | | | |
| Doanh nghiệp/tổ chức phi tài chính nước ngoài (ngoài Hoa Kỳ) bị động và  Không có Cá nhân có quyền kiểm soát hoặc có Cá nhân có quyền kiểm soát không phải là người Hoa Kỳ.  Có Cá nhân có quyền kiểm soát là người Hoa Kỳ, vui lòng cung cấp:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Họ tên | Địa chỉ | Mã số TIN | | 1. |  |  |  | | 2. |  |  |  | | 3. |  |  |  | | | | | |
| Tổ chức tài chính, vui lòng cung cấp thông tin theo Mẫu biểu W-8BEN-E | | | | |
| Không thuộc một trong các trường hợp trên đây, vui lòng điền và cung cấp thông tin theo Mẫu biểu W-8BEN-E | W-8IMY | W-8ECI | W-8EXP phù hợp do IRS ban hành. | | | | |
| **Có.**  Khách hàng vui lòng cung cấp: | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. Mã số thuế Hoa Kỳ của tổ chức [1]  (Mã số TIN): | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | 2. Nếu tổ chức thuộc diện đối tượng được miễn trừ báo cáo FATCA, vui lòng cung cấp Mã số miễn trừ báo cáo FATCA được cấp bởi chính phủ Hoa Kỳ.  **Exemption code [2]:** ……………………………………………*………………………………………………………………*……… | | | | | | |

|  |
| --- |
| **V. THÔNG TIN GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP** |
| Đồng thời là Người Đại diện theo Pháp luật  Không đồng thời là Người Đại diện theo Pháp luật. Vui lòng cung cấp thông tin dưới đây:  Họ và tên: ……………………………………….…Ngày, tháng, năm sinh: ………………………….Giới tính: Nam Nữ  Nghề nghiệp: …………………………….…………………Chức vụ: …………………..…… Quốc tịch: ………………….…………………*………*..…  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[12]](#footnote-13):*…………………………………………………………………………………………*  Loại, số Giấy tờ tùy thân[[13]](#footnote-14): *…………………………………………………………………………………………………………………………….*[[14]](#footnote-15)  Ngày cấp: ………….…Nơi cấp: ………….…………………..... Có giá trị đến………*………………………………………………………………….…*  Điện thoại: ………………………………………………………………….Email: ……………………………………………….....…………………………............. |
| Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………………………………………………….………………...*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam cần bổ sung thêm các thông tin sau:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Ngày cấp: *…………………………………………………………………….*  Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *……………………………………………………………………………………………….………….………*[[15]](#footnote-16)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: …………*………………………………………………………………………………………………….*……………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………*…………………………………………………………………………………………………………*……………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,cần bổ sung thêm các thông tin sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..*……………………………………………………………*  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..…………………….*  Ngày cấp: *…………………………..……….* Nơi cấp: *……………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực: ……*………………………*………...  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: ……………*…………………………………………………………………………………* |
| **Đối với cá nhân là người không quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[16]](#footnote-17): *……………………………………………………………………………………………………………………………..*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….……………………………………………………………………………………………*  Địa chỉ cư trú: *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| **VI. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP** |
| ***Khách hàng có xác định được người thành lập không***:  **Có**. Đề nghị trả lời câu hỏi bên dưới.  **** Người thành lập đồng thời là Người Đại diện theo Pháp luật.  **** Người thành lập không đồng thời là Người Đại diện theo Pháp luật. Vui lòng cung cấp toàn bộ thông tin tại mục 1 và 2 dưới đây.  **Không[[17]](#footnote-18)**. Qua nhiều lần thay đổi thông tin doanh nghiệp, dựa trên các giấy từ pháp lý hiện hành, Khách hàng chưa thể xác định/thu thập được đầy đủ thông tin/tài liệu về Người thành lập, và do đó chưa thể cung cấp thông tin/tài liệu này cho VPBank. Khách hàng sẽ nỗ lực thu thập và bổ sung thông tin này và các tài liệu xác minh cho VPBank ngay khi xác định được thông tin về Người thành lập hoặc khi VPBank yêu cầu.   1. **Người thành lập là cá nhân**  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và Tên |  | |  |  | | Ngày, tháng, năm sinh |  | |  |  | | Nghề nghiệp |  | |  |  | | Chức vụ |  | |  |  | | Điện thoại |  | |  |  | | Quốc tịch |  | |  |  | | Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp[[18]](#footnote-19) |  | |  |  | | Giấy tờ tùy thân[[19]](#footnote-20) | Số |  |  |  | | Ngày cấp |  |  |  | | Nơi cấp |  |  |  | |  | Có giá trị điến |  |  |  | | Địa chỉ thường trú |  | |  |  | | Tình trạng cư trú | Cư trú  Không cư trú | |  |  | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt nam, cần bổ sung thêm các thông tin sau:** |  | |  |  | | Thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thế thị thực | Số |  |  |  | | Ngày cấp |  |  | | Nơi cấp |  |  | | Ngày hết hạn[[20]](#footnote-21) |  |  | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài |  | |  |  | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam |  | |  |  | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,cần bổ sung thêm các thông tin sau liên quan đến quốc tịch còn lại:** |  | |  |  | | Quốc tịch |  | |  |  | | Số Hộ chiếu | Số |  |  |  | |  | Ngày cấp |  |  |  | |  | Nơi cấp |  |  |  | |  | Ngày hết hạn hiệu lực |  |  |  | | Địa chỉ cư cú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại |  | |  |  | | **Đối với cá nhân là người không quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[21]](#footnote-22):  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………*  Địa chỉ cư trú: |  | |  |  |  1. **Người thành lập là tổ chức**  |  | | --- | | **Thông tin về tổ chức là Người thành lập Khách hàng (NTLKH)** | | Tên giao dịch đầy đủ:……………………………………………………….…………………………………………………………………………………………  Tên viết tắt: ……………………………………………….……………………………………………………..………………………………….…………………..……  Mã số doanh nghiệp: ……………………………………………….…Mã số thuế: ………………………………………….……..……………..……  Số định danh của tổ chức (nếu có):………………………… …………………………………………………………………………..………….……  Địa chỉ trụ sở chính: …………………………………………………………………………………………………….……………………..……..…………..……  Địa chỉ giao dịch: ………………………………………………………………………………………………………………………………..……..…………..……  Số Điện thoại liên lạc: ………….……………Số Fax:……………….. Trang thông tin điện tử (nếu có):………………….……  Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh: ………………………………………………………………………………………………….……..………………….  Trang thông tin điện tử (nếu có):…………………………………………………………………………………….…………………………………..…… | | **Thông tin về Người đại diện của tổ chức là NTLKH** | | Họ và tên: *………………………………..…………………….……….…………….…………………………………………………………………………………………*  Ngày, tháng, năm sinh: *………………………………………..…….….………* Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……………………………………………………………………………………*  Quốc tịch: *……………………………………….* Mã số thuế: *…….…….………………………………………………………………………………………..*  Số Giấy tờ tùy thân[[22]](#footnote-23): ……………..………………………..[[23]](#footnote-24) Ngày cấp: ………….………… Nơi cấp: ……………..…*……………………*  Điện thoại: …………………… Email: …………………..…………*……………………………………………………………………………………………………*  Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài [[24]](#footnote-25): …………………………………………………………………………..……………*…………………* | | Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...……………………………………………………*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, cần bổ sung thêm các thông tin sau:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Ngày cấp: ………….………… Nơi cấp: *……………………….……* Ngày hết hạn: *………………………………………………………………………………………………………………………………*[[25]](#footnote-26)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….*………………………………………………………………………………………….*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..*………………………………………………………………………………………………………..*  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..………………………………………………………………………………………………………………………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực:……*…………………*……….  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: ……………*………………………………………………………………………….* | | **Đối với cá nhân là người không quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[26]](#footnote-27):*………………………………………………………………………………………………………………………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………………………………………………………………………………………*  Địa chỉ cư trú: *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* | | **Thông tin Giám đốc/Tổng giám đốc của tổ chức là NTLKH** | | Đồng thời là Người Đại diện theo Pháp luật  Không đồng thời là Người Đại diện theo Pháp luật. Vui lòng cung cấp thông tin dưới đây:  Họ và tên: *………………………………..…………………….……….…………….…………………………………………………………………………………………*  Ngày, tháng, năm sinh: *………………………………………..…….….…………* Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……………………………………………………………………………………*  Quốc tịch: *……………………………………….* Mã số thuế: *…….…….………..………………………………………………………………………………*  Giấy tờ tùy thân[[27]](#footnote-28): *…………………………………………………………………………………………………….*[[28]](#footnote-29)  Ngày cấp: *……………………………..…* Nơi cấp: *………………..….…………………………………………………………………………………………*……  Có giá trị đến: ………………………………………………………………………………*………………………………………………………………………………..*  Điện thoại: *…………………………..……………………………….…………………………………………………………………………………………………………*  Email: *…………………………………………………………………………….…………………..*………………….…*……………………………………………………….* | | Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...……………………………………………………*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Ngày cấp: *………………..……….* Nơi cấp: *…………….……*  Ngày hết hạn: *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*[[29]](#footnote-30)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….*…………………………………………………………………………………………….*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..*…………………………………………………………………………………………………………..*  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..…………………………………………………………………………………………………………………………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………* Ngày hết hạn hiệu lực:……*…………………*………….  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: ……………*…………………………………………………………………………….* | | **Đối với cá nhân là người không quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[30]](#footnote-31):*………………………………………………………………………………………………………………………..*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………………………………………………………………………………….……*  Địa chỉ cư trú: *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* | | **Thông tin Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán của tổ chức là NTLKH** | | Họ và tên: *………………………………..…………………….……….…………….…………………………………………………………………………………………*  Ngày, tháng, năm sinh: *………………………………………..…….….…………*Nam Nữ  Nghề nghiệp: *………………………….……..* Chức vụ: *……….…………….……………………………………………………………………………………*  Quốc tịch: *……………………………………….* Mã số thuế: *…….…….………..………………………………………………………………………………*  Giấy tờ tùy thân[[31]](#footnote-32): *……………………………………………….*[[32]](#footnote-33)  Ngày cấp: *……………………………..…*Nơi cấp: *………………………………………………………………………………………..………..….………*……  Có giá trị đến: ………………………………………………………………………*……………………………………………………………………………….*………  Điện thoại: *…………………………..……………………………….…………………………………………………………………………………………………………*  Email: *…………………………………………………………………………….…………………..………………………………………………………………………………* | | Địa chỉ thường trú: *………………………………………………………………………………………………...…………………………………………………….*  Tình trạng cư trú:  Cư trú  Không cư trú  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực: *…………….……………* Ngày cấp: *…………..……….* Nơi cấp: *………………….……*  Ngày hết hạn: *………………………………………………………………*[[33]](#footnote-34)  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài: ………………………….*……………………………………………………………………………………………*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam: ………………..*………………………………………………………………………………………………………….*  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại**:  Quốc tịch: ……..*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*  Số Hộ chiếu: *…………………………..……………..………………………………………………………………………………………………………………………*  Ngày cấp: *……………………………* Nơi cấp: *………………* Ngày hết hạn hiệu lực:………………*……………..…………………………*  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: ……………*………………………………………………………………………….* | | **Đối với cá nhân là người không quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[34]](#footnote-35):*………………………………………………………………………………………………………………………*  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………………………………………………………………………………………*  Địa chỉ cư trú: *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..* | | **Thông tin về cá nhân thành lập tổ chức là NTLKH (nếu có)** | | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và Tên |  | |  |  | | Ngày, tháng, năm sinh |  | |  |  | | Nghề nghiệp |  | |  |  | | Chức vụ |  | |  |  | | Điện thoại |  | |  |  | | Quốc tịch |  | |  |  | |  |  | |  |  | | Giấy tờ tùy thân[[35]](#footnote-36) | Số |  |  |  | | Ngày cấp |  |  |  | | Nơi cấp |  |  |  | |  | Có giá trị điến |  |  |  | | Địa chỉ thường trú |  | |  |  | | Tình trạng cư trú | Cư trú  Không cư trú | |  |  | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt nam:** |  | |  |  | | Thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thế thị thực | Số |  |  |  | | Ngày cấp |  |  | | Nơi cấp |  |  | | Ngày hết hạn*[[36]](#footnote-37)* |  |  | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài |  | |  |  | | Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam |  | |  |  | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại** |  | |  |  | | Quốc tịch |  | |  |  | | Số Hộ chiếu | Số |  |  |  | |  | Ngày cấp |  |  |  | |  | Nơi cấp |  |  |  | |  | Ngày hết hạn hiệu lực |  |  |  | | Địa chỉ cư cú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại |  | |  |  | | **Đối với cá nhân là người không quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau:**  Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế[[37]](#footnote-38):  Ngày cấp: *……………………………..……….* Nơi cấp: *………………..….………*  Địa chỉ cư trú: |  | |  |  | | |
| **Thông tin về tổ chức thành lập tổ chức là NTLKH (nếu có)** |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên giao dịch của Tổ chức |  |  |  | |  | | Tên viết tắt |  |  |  | |  | | Số giấy phép thành lập |  |  |  | |  | | Mã số doanh nghiệp[[38]](#footnote-39): |  |  |  | |  | | Số định danh của tổ chức (nếu có) |  |  |  | |  | | Địa chỉ trụ sở chính |  |  |  |  | | | Số Điện thoại |  |  |  |  | | | Số Fax |  |  |  |  | | | Số Điện thoại di động |  |  |  |  | | | Trang thông tin điện tử (nếu có) |  |  |  |  | | | Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh |  |  |  |  | | |

1. Chỉ điền đối với cá nhân người nước ngoài không có thông tin số hộ chiếu [↑](#footnote-ref-2)
2. **Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:**

   **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

   **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

   - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-3)
3. **LƯU Ý:** khi điền tại phần này cần điền rõ cả loại GTTT và số GTTT (ví dụ nếu giấy tờ tùy thân là CMND thì điền: CMND số 123456789) [↑](#footnote-ref-4)
4. Không điền nếu thuộc trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-5)
5. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-6)
6. Nếu là người nước ngoài [↑](#footnote-ref-7)
7. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

   **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

   **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

   - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-8)
8. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-9)
9. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-10)
10. Thỏa thuận pháp lý là thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận. [↑](#footnote-ref-11)
11. Tham khảo bảng tiêu chí xác định Doanh nghiệp/tổ chức phi tài chính nước ngoài (ngoài Hoa Kỳ) chủ động do VPBank cung cấp [↑](#footnote-ref-12)
12. Nếu là người nước ngoài [↑](#footnote-ref-13)
13. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/ Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-14)
14. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền loại, số của GTTT (ví dụ: Căn cước công dân số 123456) [↑](#footnote-ref-15)
15. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-16)
16. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-17)
17. Áp dụng cho Khách hàng tổ chức lần đầu thiết lập quan hệ tại VPBank lựa chọn phương án không có thông tin về người thành lập khi Khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện sau: có thời gian thành lập và hoạt động trên 05 năm tính đến thời điểm Khách hàng đề nghị thiết lập quan hệ với VPBank; Khách hàng xác nhận không có đủ thông tin, hồ sơ để xác định được Người thành lập căn cứ trên các giấy tờ pháp lý hiện hành của Khách hàng. [↑](#footnote-ref-18)
18. Nếu là người nước ngoài [↑](#footnote-ref-19)
19. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-20)
20. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-21)
21. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-22)
22. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-23)
23. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền loại, số của GTTT (ví dụ: Căn cước công dân số 123456) [↑](#footnote-ref-24)
24. (i) Đối với cá nhân 01 quốc tịch Việt Nam: điền địa chỉ đăng ký thường trú và địa chỉ hiện tại khác (nếu có); (ii) Đối với cá nhân 01 quốc tịch nước ngoài: điền địa chỉ cư trú ở nước ngoài, địa chỉ cư trú ở Việt Nam (người nước ngoài cư trú tại Việt Nam); (iii) Đối với cá nhân 02 quốc tịch trở lên: điền địa chỉ (i) + (ii) + địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch còn lại. [↑](#footnote-ref-25)
25. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-26)
26. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-27)
27. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-28)
28. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền loại, số của GTTT (ví dụ: Căn cước công dân số 123456) [↑](#footnote-ref-29)
29. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-30)
30. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-31)
31. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-32)
32. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền số của loại giấy tờ tùy thân. [↑](#footnote-ref-33)
33. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-34)
34. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-35)
35. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-36)
36. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-37)
37. Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế chỉ áp dụng trong trường hợp là người không quốc tịch [↑](#footnote-ref-38)
38. Nếu trùng với số ĐKDN/ ĐKKD thì không cần điền. [↑](#footnote-ref-39)